UBND HUYỆN THÁI THỤY
TRƯỜNG TH&THCS THÁI TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021 - 2022
Môn: Lịch sử & Địa lí 6 (Đề 1)
(Thời gian làm bài: 90 phút)

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm). Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỷ?

A. V TCN B. VI TCN C. VII TCN D. VIII TCN

Câu 2: Kinh đô của nước Âu Lạc đóng ở?

A. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay) C. Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay)

B. Mê Linh (Hà Nội ngày nay) D. Phong Khê (Hà Nội ngày nay)

Câu 3: Xã hội Việt Nam dưới thời Bắc thuộc xuất hiện những tầng lớp mới nào?

A. Lạc hầu, địa chủ Hán C. Lạc dân, nông dân lệ thuộc

B. Lạc tướng, hào trưởng Việt D. Địa chủ Hán, nông dân lệ thuộc

Câu 4: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ thời Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

A. Bà Triệu B. Trưng Trắc, Trưng Nhị C. Lý Bí D. Mai Thúc Loan

Câu 5: Ý nào dưới đây không đúng về các thành tựu văn hoá Chăm- pa?

A. Cư dân Chăm- pa có thói quen ở nhà sàn

B. Từ thế kỷ IV, cư dân Chăm- pa đã sáng tạo ra chữ viết riêng gọi là chữ Phạn

C. Người Chăm xưa thờ tín ngưỡng đa thần (thần Núi, thần Nước, thần Lúa, thần Biển...)

D. Kiến trúc và điêu khắc Chăm- pa được thể hiện qua các công trình tôn giáo như: Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam)

Câu 6: Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Tây Nguyên B. Nam Bộ C. Nam Trung Bộ D. Tây Nam Bộ

Câu 7: Con người cần làm gì để thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu ?

A. Thay đổi lối sống đề thân thiện với môi trường

B. Sử dụng nguyên liệu hoá thạch

C. Theo dõi bản tin thời tiết hàng ngày

D. Sơ tán người ra khỏi vùng nguy hiểm

Câu 8. Nguồn cung cấp hơi nước lớn nhất từ.

A. Biển và đại dương B. Sông, hồ C. Đất liền D. Băng tuyết

Câu 9. Đại dương rộng nhất và sâu nhất thế giới

A. Đại Tây Dương B. Thái Bình Dương C. Ấn Độ Dương D. Băc Băng Dương

Câu 10. Trong thuỷ quyển nước ngọt chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 97,5% B. 30,1% C.2,5% D. 20,5%

Câu 11. Dòng biển được hình thành dưới tác động của

A. Mặt Trăng B. Mặt trời C. Trái Đất D. Gió

Câu 12. Lưu vực sông là

A. Nguồn nước do băng tan

B. Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho một con sông

C. Nơi nước sông đổ ra biển

D. Dòng chảy thường xuyên tương đối ổn định

PHẦN II - PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (1,25 điểm):

a) Hãy kể tên những phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống của người Việt vẫn được giữ gìn trong thời kì Bắc thuộc và được duy trì đến ngày nay?

b) Hãy kể tên các tầng lớp chính trong xã hội Chăm-pa và Phù Nam?

Câu 2. **(2,25 điểm):**

Qua kiến thức bài 18: "Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X", hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?

b) Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?

c) Đánh giá công lao của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc?

Câu 3. (1 điểm): Đất là gì? Kể tên các thành phần của đất?

Câu 4. (1,5 điểm): Sông, hồ có những giá trị gì? Em hãy cho biết tên hồ nước ngọt lớn nhất nước ta?

Câu 5. (1 điểm): Em hãy nêu đặc điểm của đới nóng (Phạm vi, khí hậu và động vật, thực vật)?

Đới	Phạm vi	Khí hậu	Thực vật, động vật
Nóng			

D – ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM: (Đề 1)

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM(3đ): Mỗi ý đúng 0,25đ:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/a	C	D	D	B	A	B	A	A	B	C	D	B

II - PHẦN TỰ LUẬN(7 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
22Câu 1	**a) Hãy kể tên những phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống của người Việt vẫn được giữ gìn trong thời kì Bắc thuộc và được duy trì đến ngày nay?**	

(1,25đ)	- Tiếng Việt: Người Việt vẫn nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ	**0,25đ**
	- Tín ngưỡng truyền thống: thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, thờ các vị thần tự nhiên, …	**0,25đ**
	- Những phong tục tập quán: Ăn trầu, nhuộm răng, làm bánh chưng, bánh giày	**0,25đ**
	b) Hãy kể tên các tầng lớp chính trong xã hội Chăm-pa và Phù Nam?	
	Xã hội Cham-pa: Tăng lữ, quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.	**0,25đ**
	Xã hội Phù Nam: Quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.	**0,25đ**
Câu 2 (2,25đ)	**a) Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?**	
	- Chọn vùng cửa sông Bạch Đằng để bố trí trận địa đánh giặc.	**0,25đ**
	- Dùng cọc lớn, vạt nhọn, bịt sắt đóng ngầm ở trước của biển.	**0,25đ**
	- Tận dụng thủy triều, địa thế sông Bạch Đằng tổ chức mai phục để đánh giặc.	**0,25đ**
	- Tổ chức khiêu chiến, giả thua để dụ giặc vào trận địa.	**0,25đ**
	b) Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?	
	- Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 chấm dứt vĩnh viễn thời kỳ Bắc thuộc	**0,25đ**
	- Mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc	**0,25đ**
	c) Đánh giá công lao của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc?	

<table>
<tr><td></td><td>- Khúc Thừa Dụ đã nhân cơ hội nhà Đường suy yếu đã nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ, xưng làm tiết độ sứ, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td></td><td>- Dương Đình Nghệ lãnh đạo cuộc kháng chiến chông quân Nam Hán lần thứ nhất, xưng làm tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td></td><td>- Ngô Quyền đã lãnh đạo kháng chiến chống quân Nam Hán lần ths 2, làm nên chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại, giành lại độc lập, tự chủ cho dân tộc, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td>Câu 3. (1đ)</td><td>*Đất là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì.
*Tên các thành phần của đất :
• Chất khoáng (khoáng vật)
• Chất hữu cơ
• Nước
• Không khí</td><td>0,5đ

0,5đ</td></tr>
<tr><td>Câu 4. (1,5đ)</td><td>Giá trị của sông, hồ
• Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt
• Cung cấp thủy sản (cá, tôm, …), cung cấp phù sa
• Giao thông đường thủy, giá trị thủy điện
• Du lịch, nghỉ dưỡng
Hồ nước ngọt lớn nhất nước ta là hồ Ba Bể thuộc tỉnh Bắc Cạn</td><td>1đ
(mỗi ý đúng được 0,25đ)

0,5 đ</td></tr>
<tr><td>Câu 5. (1đ)</td><td>
<table>
<tr><th>Đới</th><th>Phạm vi</th><th>Khí hậu</th><th>Thực vật, động vật</th></tr>
<tr><td>Nóng</td><td>Từ chí tuyến bắc đến chí tuyến nam (0,25đ)</td><td>Nóng quanh năm, nhiệt độ cao (0,25đ)</td><td>- Giới thực, động vật hết sức đa dạng , phong phú.
- Thực vật rừng xavan,cây gỗ..
- Đông vật: linh dương , ngựa vằn, sư tử, linh cẩu.
(0,5đ)</td></tr>
</table>
</td><td>1đ</td></tr>
</table>

UBND HUYỆN THÁI THỤY
TRƯỜNG TH&THCS THÁI TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021 - 2022
Môn: Lịch sử & Địa lí 6 (Đề 2)
(Thời gian làm bài: 90 phút)

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm). Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỷ?

A. V TCN B. VI TCN C. VII TCN D. VIII TCN

Câu 2: Kinh đô của nước Âu Lạc đóng ở?

A. Phong Châu(Phú Thọ ngày nay) C. Luy Lâu(Bắc Ninh ngày nay)

B. Mê Linh(Hà Nội ngày nay) D. Phong Khê(Hà Nội ngày nay)

Câu 3: Xã hội Việt Nam dưới thời Bắc thuộc xuất hiện những tầng lớp mới nào?

A. Lạc hầu, địa chủ Hán C. Lạc dân, nông dân lệ thuộc

B. Lạc tướng, hào trưởng Việt D. Địa chủ Hán, nông dân lệ thuộc

Câu 4: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ thời Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

A. Bà Triệu B. Trưng Trắc, Trưng Nhị C. Lý Bí D. Mai Thúc Loan

Câu 5: Ý nào dưới đây không đúng về các thành tựu văn hoá Chăm- pa?

A. Cư dân Chăm- pa có thói quen ở nhà sàn

B. Từ thế kỷ IV, cư dân Chăm- pa đã sáng tạo ra chữ viết riêng gọi là chữ Phạn

C. Người Chăm xưa thờ tín ngưỡng đa thần (thần Núi, thần Nước, thần Lúa, thần Biển...)

D. Kiến trúc và điêu khắc Chăm- pa được thể hiện qua các công trình tôn giáo như: Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam)

Câu 6: Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Tây Nguyên B. Nam Bộ C. Nam Trung Bộ D. Tây Nam Bộ

Câu 7: Con người cần làm gì để thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu ?

A. Thay đổi lối sống đề thân thiện với môi trường

B. Sử dụng nguyên liệu hoá thạch

C. Theo dõi bản tin thời tiết hàng ngày

D. Sơ tán người ra khỏi vùng nguy hiểm

Câu 8. Nguồn cung cấp hơi nước lớn nhất từ.

A. Biển và đại dương B. Sông, hồ C. Đất liền D. Băng tuyết

Câu 9. Đại dương rộng nhất và sâu nhất thế giới

A. Đại Tây Dương B. Thái Bình Dương C. Ấn Độ Dương D. Băc Băng Dương

Câu 10. Trong thuỷ quyển nước ngọt chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 97,5% B. 30,1% C.2,5% D. 20,5%

Câu 11. Dòng biển được hình thành dưới tác động của

A. Mặt Trăng B. Mặt trời C. Trái Đất D. Gió

Câu 12. Lưu vực sông là

A. Nguồn nước do băng tan

B. Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho một con sông

C. Nơi nước sông đổ ra biển

D. Dòng chảy thường xuyên tương đối ổn định

PHẦN II - PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (1,25 điểm):

a) Hãy kể tên những phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống của người Việt vẫn được giữ gìn trong thời kì Bắc thuộc và được duy trì đến ngày nay?

b) Hãy kể tên các tầng lớp chính trong xã hội Chăm-pa và Phù Nam?

Câu 2. **(2,25 điểm):**

Qua kiến thức bài 18: "Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X", hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?

b) Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?

c) Đánh giá công lao của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc?

Câu 3. (1 điểm): Đất là gì? Kể tên các thành phần của đất?

Câu 4. (1,5 điểm): Sông, hồ có những giá trị gì? Em hãy cho biết tên hồ nước ngọt lớn nhất nước ta?

Câu 5. (1 điểm): Em hãy nêu đặc điểm của đới ôn hoà (Phạm vi, khí hậu và động vật, thực vật)?

Đới	Phạm vi	Khí hậu	Thực vật, động vật
Ôn hoà			

D – ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM: (Đề 2)

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM(3đ): Mỗi ý đúng 0,25đ:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/a	C	D	D	B	A	B	A	A	B	C	D	B

II - PHẦN TỰ LUẬN(7 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,25đ)	**a) Hãy kể tên những phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống của người Việt vẫn được giữ gìn trong thời kì Bắc thuộc và được duy trì đến ngày nay?**	
	- Tiếng Việt: Người Việt vẫn nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ	**0,25đ**
	- Tín ngưỡng truyền thống: thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, thờ các vị thần tự nhiên, …	**0,25đ**
	- Những phong tục tập quán: Ăn trầu, nhuộm răng, làm bánh chưng, bánh giày	**0,25đ**
	b) Hãy kể tên các tầng lớp chính trong xã hội Chăm-pa và Phù Nam?	
	Xã hội Cham-pa: Tăng lữ, quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.	**0,25đ**
	Xã hội Phù Nam: Quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.	**0,25đ**
Câu 2 (2,25đ)	**a) Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?**	
	- Chọn vùng cửa sông Bạch Đằng để bố trí trận địa đánh giặc.	**0,25đ**
	- Dùng cọc lớn, vạt nhọn, bịt sắt đóng ngầm ở trước của biển.	**0,25đ**
	- Tận dụng thủy triều, địa thế sông Bạch Đằng tổ chức mai phục để đánh giặc.	**0,25đ**
	- Tổ chức khiêu chiến, giả thua để dụ giặc vào trận địa.	**0,25đ**
	b) Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?	
	- Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 chấm dứt vĩnh viễn thời kỳ Bắc thuộc	**0,25đ**

<table>
<tr><td></td><td>- Mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td></td><td>c) Đánh giá công lao của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc?</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Khúc Thừa Dụ đã nhân cơ hội nhà Đường suy yếu đã nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ, xưng làm tiết độ sứ, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td></td><td>- Dương Đình Nghệ lãnh đạo cuộc kháng chiến chông quân Nam Hán lần thứ nhất, xưng làm tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td></td><td>- Ngô Quyền đã lãnh đạo kháng chiến chống quân Nam Hán lần ths 2, làm nên chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại, giành lại độc lập, tự chủ cho dân tộc, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc.</td><td>0,25đ</td></tr>
<tr><td>Câu 3. (1đ)</td><td>*Đất là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì.
*Tên các thành phần của đất :
• Chất khoáng (khoáng vật)
• Chất hữu cơ
• Nước
• Không khí</td><td>0,5đ

0,5đ</td></tr>
<tr><td>Câu 4. (1,5đ)</td><td>Giá trị của sông, hồ
• Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt
• Cung cấp thủy sản (cá, tôm, …), cung cấp phù sa
• Giao thông đường thủy, giá trị thủy điện
• Du lịch, nghỉ dưỡng
Hồ nước ngọt lớn nhất nước ta là hồ Ba Bể thuộc tỉnh Bắc Cạn</td><td>1đ
(mỗi ý đúng được 0,25đ)

0,5 đ</td></tr>
<tr><td>Câu 5. (1đ)</td><td>
<table>
<tr><th>Đới</th><th>Phạm vi</th><th>Khí hậu</th><th>Thực vật, động vật</th></tr>
<tr><td>Ôn hòa</td><td>-Từ chí tuyến bắc đến vòng cực bắc</td><td>Mát mẻ, ôn hòa (0,25đ)</td><td>•Thực vật chủ yếu là cây lá kim:linh sam, vân sam , tuyết</td></tr>
</table>
</td><td>1đ</td></tr>
</table>

		-Chí tuyến nam đến vòng cực nam **(0,25đ)**		tùng.. •Động vật là sóc, gấu, nhím, chó sói, hổ Tai ga **(0,5đ)**		

UBND HUYỆN THÁI THỤY
TRƯỜNG TH&THCS THÁI TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021 - 2022
Môn: Lịch sử và địa lí 6
(Thời gian làm bài: 45 phút)

A - MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 6

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian	% tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	**Nước Văn Lang- Âu Lạc**	Bài 14 : Nước Văn Lang - Âu Lạc	2	4							2		4	0,5
2	**Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (Từ thế kỷ II TCN đến năm 938)**	Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến của xã hội Âu Lạc	1	2							1		2	0,25
		Bài 16 : Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỷ X)	1	2							1		2	0,25
		Bài 17 : Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát	1	10								1	10	1

		triển văn hoá dân tộc của người Việt												
		Bài 18 : Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỷ X	1/3	5			1/3	7	1/3	10		1	22	2,5
3	**Vương quốc Chăm-pa và Vương quốc Phù Nam**	Bài 18 : Vương quốc Chăm- pa từ TK II - X			1	3					1		3	0,25
		Bài 18 : Vương quốc Phù Nam	1	2							1		2	0,25
4	**Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu**	Bài 17: Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu			1	0,25					1		1	0,25
5	**Nước trên Trái đất**	Bài 19: Thuỷ quyển và vòng tuần hoàn của nước	1	2,25	1	2,25					2		4,25	0,5
		Bài 20: Sông, nước ngầm và băng hà	1	14	1	2,25					1	1	16,25	1,75
		Bài 21: Biển và đại dương. Một số yếu tố môi trường biển	1	2,25	1	2,25					2		5	0,5
6	**Đất và sinh vật trên TĐ**	Bài 22: Lớp đất trên Trái đất			1	9						1	9	1
		Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên trái đất	1	9								1	9	1
Tổng - sử			10		6		1		1		12	5	90	10
Tỉ lệ % từng mức độ nhận			40		40		10		10					100

thức									

B - ĐẶC TẢ

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 6
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Nước Văn Lang- Âu Lạc**	Bài 14: Nước Văn Lang – Âu Lạc	***Nhận biết:*** - Nêu được khoảng thời gian thành lập, trình bày được tổ chức của Nhà nước Văn Lang – Âu lạc - Nhận biết được phạm vi lãnh thổ của nước Văn Lang thuộc khu vực ngày nay - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc. ***Thông hiểu:*** - Vẽ được sơ đồ NN Văn Lang – Âu Lạc ***Vận dụng*** - Nhận xét bộ máy Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc ***Vận dụng cao:*** - Liên hệ thực tế những phong tục tập quán thời Hùng Vương còn sử dụng đến ngày nay	2 (Câu 1.2)			
2	**Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc(Từ thế kỷ II TCN đến năm 938)**	Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến của xã hội Âu Lạc	***Nhận biết:*** - Trình bày được các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội và văn hoá Việt Nam thời Bắc thuộc ***Thông hiểu:*** - Giải thích được lý do vì sao thế lực PKPB đánh thuế nặng vào sắt và muối. ***Vận dụng:*** - Miêu tả được đời sống của nhân dân ta dưới ách thống trị của PKPB. ***Vận dụng cao:***	1 (Câu 3)			

			- Đánh giá được những chính sách cai trị của PKPB đối với nhân dân ta				
		Bài 16 : Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỷ X	***Nhận biết:*** - Trình bày được nét chính các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập, tự chủ của nhân dân ta từ đầu công nguyên đến trước thế kỷ X: Nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa. Sự ra đời của nước Vạn Xuân. ***Thông hiểu:*** - Giải thích được tại sao đặt tên nước là Vạn Xuân ***Vận dụng:*** - Lập được biểu đồ, sơ đồ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu ***Vận dụng cao:*** - Giới thiệu về một nhân vật lịch sử mà HS yêu thích thời Bắc thuộc - Xác định được trách nhiệm của bản thân trước công lao của cha ông ta.	1 (Câu 4)			
		Bài 17 : Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt.	***Nhận biết:*** - Trình bày được nét chính cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc. ***Thông hiểu:*** - Giải thích được tại sao nhân dân ta vẫn giữ được tiếng nói của tổ tiên. ***Vận dụng:*** - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc thời đại ngày nay.	1 (Câu 1a-TL)			
		Bài 18 : Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỷ X	***Nhận biết:*** - Trình bày được nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của họ Khúc, họ Dương. Nét chính về trận chiến Bạch Đằng năm 938. ***Thông hiểu:*** Ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.		1* (Câu 2a - TL)		

			Vận dụng: - Phân tích được công lao của Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ Ngô Quyền với lịch sử dân tộc - ***Vận dụng cao:*** - Giải thích được những điểm độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền - Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công lao của các anh hùng dân tộc			1** (Câu 2c - TL)	1 (Câu 2b - TL)
3	**Vương quốc Chăm- pa và Vương quốc Phù Nam**	Bài 19: Vương quốc Chăm- pa	***Nhận biết:*** - Trình bày được nét chính về sự thành lập, quá trình phát triển, suy vong của nước Chăm- pa. Nét chính về tổ chức xã hội, kinh tế, thành tựu văn hoá Chăm- pa. ***Thông hiểu:*** - So sánh được hoạt động kinh tế người Chăm với người Việt. ***Vận dụng:*** - Liên hệ thực tiễn để thấy được các di tích lịch sử, lễ hội Chăm- pa còn tồn tại đến ngày nay. Các thành tựu này góp phần hình thành nên một Việt Nam đa dạng bản sắc văn hoá dân tộc. ***Vận dụng cao:*** - Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc giữ gìn nền văn hoá dân tộc	1 (Câu 1b- TL)	1* (Câu 5)		
		Bài 20 : Vương quốc Phù Nam	***Nhận biết:*** - Trình bày được nét chính về sự thành lập, quá trình phát triển, suy vong của nước Phù Nam. Nét chính về tổ chức xã hội, kinh tế, thành tựu văn hoá Phù Nam. ***Thông hiểu:*** - So sánh được hoạt động kinh tế người Phù Nam với người Việt. ***Vận dụng:*** - Liên hệ thực tiễn để thấy được các di tích lịch sử, lễ hội Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay. Các thành	1 (Câu 6) 1 (Câu 1b- TL)			

			tựu này góp phần hình thành nên một Việt Nam đa dạng bản sắc văn hoá dân tộc. ***Vận dụng cao:*** - Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc giữ gìn nền văn hoá dân tộc				
4	**Khí hậu và biến đổi khí hậu**	Bài 17: Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu	**Nhận biết** - Vị trí đai áp cao - Đặc điểm tầng đối lưu - Các loại gió trên trái đất		1TN		
5	**Nước trên Trái đất**	Bài 19: Thuỷ quyển và vòng tuần hoàn của nước	***Nhận biết:*** - Sự thay đổi của nhiệt độ trung bình năm trên trái đất - Trên trái đất có mấy vòng đai nhiệt ***Thông hiểu:*** - Hoàn thành được bảng so sánh 2 vòng đai nhiệt	1TN	1TN		
		Bài 20: Sông, nước ngầm và băng hà	***Thông hiểu:*** Giá trị của sông , hồ ***Vận dụng*** Biết được hồ nước ngọt lớn nhất VIệt Nam	1/2 TL	1/2 TL		
		Bài 21: Biển và đại dương. Một số yếu tố môi trường biển	***Nhận biết** Tên đại dương rộng lớn và sâu nhất Nguyên nhân sinh ra sóng	2TN			
6	**Đất và sinh vật trên TĐ**	Bài 22: Lớp đất trên Trái đất	***Nhận biết** Tên các thành phần của đất	1TN			

		Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất	***Nhận biết** Đặc điểm của các đới thiên nhiên trên Trái Đất	1TL			
Tổng				9 – TN 3 - TL	3 – TN 1- TL	1 - TL	1 - TL
Tỉ lệ % theo từng mức độ							